

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày: 12-12-2022
V/v tranh chấp yêu cầu chia
tài sản thuộc sở hữu chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm; ông Nguyễn Duy Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thuý Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 11; 06 và 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018, về “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐST-DS ngày 14-11-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940, cư trú tại: Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Luật sư Nguyễn TS, của Hội Luật gia Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1961, cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng T: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963, cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965, cư trú tại: thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1972.

+ Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1970.

Cùng cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Nguyễn Quốc T4: Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hồng T1,

sinh năm 1963. Cùng cư trú tại: Số 83, đường Nguyễn Thái Học, khu phố 3, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1968, cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng T5: Luật sư Nguyễn Thị Kim T6 và Luật sư Phạm Bá T7, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nha Trang Sài Gòn. (bà T5 hủy yêu cầu Luật sư T6, giữ nguyên yêu cầu Luật sư T7, Luật sư T7 có mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc T8, sinh năm 1966, đã chết vào ngày 20-9-2021.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T8, gồm: Bà Trần Thị T22 T9, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Hồng T10, sinh năm 1991; ông Nguyễn Quốc T11, sinh năm 1997; ông Nguyễn Quốc T12, sinh năm 2004. Cùng cư trú tại: Số 20-22, đường Số 50, phường Tân Tạo, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T22 T9, bà Nguyễn Thị Hồng T10, ông Nguyễn Quốc T11, ông Nguyễn Quốc T12: Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963. Cùng cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông TH, sinh năm 1933, cư trú tại: quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Từ Văn Đ1, sinh năm 1959, cư trú tại: phường ThB, quận NK, thành phố Cần Thơ.

+ Bà Từ Thị MN, sinh năm 1960, cư trú tại: huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang.

+ Bà Từ Thị Thu T13, sinh năm 1970, cư trú tại: huyện Ch Th A, tỉnh Hậu Giang.

+ Bà Từ Thị T22 H2, sinh năm 1962, cư trú tại: phường AB, quận NK, thành phố Cần Thơ.

+ Bà Từ Thị Ngọc H3, sinh năm 1965, cư trú tại: huyện Ch Th A, tỉnh Hậu Giang.

+ Ông Từ Ngọc M1, sinh năm 1966, cư trú tại: huyện Ch Th A, tỉnh Hậu Giang.

+ Bà Từ Thị Y, sinh năm 1972, cư trú tại: huyện Ch Th A, tỉnh Hậu Giang.

+ Ông Từ Ngọc Q, sinh năm 1976, cư trú tại: Số 160/40N, khu phố Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông TH, anh Từ Văn Đ1, bà Từ Thị MN, bà Từ Thị Thu T13, bà Từ Thị T22 H2, bà Từ Thị Ngọc H3, ông Từ Ngọc M1, bà Từ Thị Y, ông Từ Ngọc Q: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940, cư trú tại: Số 529/111, đường Huỳnh Văn Bánh, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. (có mặt).

+ Bà Từ Thị Ngọc N1, sinh năm 1964, cư trú tại: quận L Ch, thành phố Hải Phòng. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Đinh Thị B, sinh năm 1938, cư trú tại: phường 11, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bà Đinh Thị Phương L1, sinh năm 1953, cư trú tại: quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Đinh Kim P1, sinh năm 1956, cư trú tại: quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị Phương L1, bà Đinh Kim P1: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940, cư trú tại: Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Đinh Kim K1, sinh năm 1955, cư trú tại: 408 Adirondack P1 SE, Albuquerque, NM, 87123 United States (Hoa Kỳ). (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Đinh Kim T14, sinh năm 1978, cư trú tại: quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1950, cư trú tại: 3409 Timber Trail, Antioch Tenn.37013, USA.

+ Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1951, cư trú tại: 7914 Audubon Spring Dr Houston TX.77040, USA.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T15, sinh năm 1953, cư trú tại: 11359 Astoria BLV Houston TX.77089, USA.

+ Bà Nguyễn Hoàng P3, sinh năm 1958, cư trú tại: 8906 Conger Houston Texas 77075, USA.

+ Bà Nguyễn Ngọc T9, sinh năm 1959, cư trú tại: 6601 Harbar TownDr #1115 – Houston TX 77036.

+ Ông Nguyễn Ngọc H5, sinh năm 1960, cư trú tại: 10938 Heather Trail, Houston Texas 77075, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5: Ông Nguyễn Quốc T8, sinh năm 1966, đã chết vào ngày 20-9-2021. (bà Hạnh, ông S1, bà T15, bà P1, bà T9, ông Hương, vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H6, định cư tại Hoa Kỳ, đã chết, không có vợ con.

+ Ông Nguyễn Trọng T18, sinh năm 1951, cư trú tại: Số 736/17, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trương Thị V1 (tên thường gọi là Nguyễn Thị Kim H6), sinh năm 1954, cư trú tại: huyện Ch Th1, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng T18, bà Trương Thị V1: Ông Nguyễn Trọng Minh T17, sinh năm 1983, cư trú tại: quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Bích T19, sinh năm 1953, cư trú tại: 12721 Westpark, Dr Houston, Texas 77082-USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích T: Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963. Cùng cư trú tại: thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T20, sinh năm 1957, cư trú tại: thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T21, sinh năm 1959, cư trú tại: thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng T20, bà Nguyễn Thị Hồng T21: Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963. Cùng cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963, cư trú tại: Số 83, đường Nguyễn Thái Học, khu phố 3, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Đặng Thị K2, sinh năm 1953; ông Nguyễn Quốc T21, sinh năm 1977; ông Nguyễn Quốc T22, sinh năm 1983. Cùng cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị K2, ông Nguyễn Quốc T21, ông Nguyễn Quốc T22: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1963, cư trú tại: Số Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Huỳnh Thị Tư, sinh năm 1933, cư trú tại: Số 153/8/22, đường Nguyễn Thông, Phường 9, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1954, cư trú tại: Số 18/24B, đường Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1976; ông Nguyễn Duy T22, sinh năm 1983. Cùng cư trú tại: Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị Thuỷ L1, sinh năm 1955, cư trú tại: Số Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Thành T23, sinh năm 1984; ông Nguyễn Thành T24, sinh năm 1985; bà Nguyễn Mỹ N3, sinh năm 1993; ông Nguyễn Thành T25, sinh năm 1988. Cùng cư trú tại: Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3 vắng mặt có ủy quyền; ông Nguyễn Thành T25 yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim H7, sinh năm 1958, cư trú tại: Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T27, sinh năm 1959, cư trú tại: Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1965, cư trú tại: Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; anh Nguyễn Anh P5, sinh năm 1990; chị Nguyễn Thị Ánh P6, sinh năm 1992. Cùng cư trú tại: Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Ánh H9, sinh năm 1964.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1966.

+ Ông Nguyễn Hữu B3, sinh năm 1968.

+ Ông Nguyễn Kim A4, sinh năm 1969.

Cùng cư trú tại: Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị VK, sinh năm 1961, chết ngày 26-7-2022, không có chồng con.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Tư, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22, ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3, bà Nguyễn Thị Kim H6, bà Nguyễn Thị Ngọc T27, bà Nguyễn Thị H8, ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Ánh P1, ông Nguyễn Ánh H9, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, ông Nguyễn Hữu B3, ông Nguyễn Kim A4: Bà Nguyễn Thị T L1, sinh năm 1955, cư trú tại: Số 153/8/22, đường Nguyễn Thông, Phường 9, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Vũ Thị Bích T28; ông Nguyễn Quốc T29, sinh năm 1985; bà Nguyễn Thị Bích T30, sinh năm 2000. Định cư tại Hoa Kỳ, không rõ địa chỉ. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1934, chết ngày 05-4-2022, không có chồng con, không có người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng.

NỘI D1 VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn T31, đã chết vào năm 1950 và cụ Từ Thị M1, đã chết vào năm 1979, không để lại di chúc. Hai cụ có tất cả 09 người con, 02 người đã chết khi còn nhỏ, còn lại 07 người, gồm:

- Bà Nguyễn Thị H12 (đã chết), chồng là ông Đinh Kim Ch (đã chết), có 05 người con, gồm: Đinh Thị C1, đã chết năm 2004, có chồng là ông TH và con là ông Từ Văn Đ1, bà Từ Thị MN, bà Từ Thị Thu T13, bà Từ Thị T22 H2, bà Từ Thị Ngọc N1, bà Từ Thị Ngọc H3, ông Từ Ngọc M1, bà Từ Thị Y, ông Từ Ngọc Q; bà Đinh Thị B; bà Đinh Thị Phương L1; bà Đinh Kim P1; ông Đinh Kim K1.

- Ông Nguyễn Văn H13, đã chết, có vợ là bà Lê Thị T22, đã chết, có 07 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5, ông Nguyễn Văn H6 (đã chết).

- Ông Nguyễn Văn N3, đã chết, vợ cũng đã chết, có 03 người con, gồm: Ông Nguyễn Trọng T18, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Kim H6 (tên gọi khác là Trương Thị V1).

- Bà Nguyễn Thị M, đã chết, chồng là ông Nguyễn Văn T32, đã chết, có 09 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng T20; bà Nguyễn Thị Hồng T21; bà Nguyễn Thị Hồng T; bà Nguyễn Thị Hồng T1; bà Nguyễn Thị Hồng T3; ông Nguyễn Quốc Tuấn, đã chết năm 2003, có vợ là bà Đặng Thị K2, có 02 người con là ông Nguyễn Quốc T21, ông Nguyễn Quốc T22; ông Nguyễn Quốc T8, đã chết năm 2021, có vợ là bà Trần Thị T22 T9, có 03 người con gồm: bà Nguyễn Thị Hồng T10, ông Nguyễn Quốc T11; ông Nguyễn Quốc T12; bà Nguyễn Thị Hồng T5; ông Nguyễn Quốc T4.

- Ông Nguyễn Văn T33, chết vào năm 2005, vợ là bà Huỳnh Thị T34, có 12 người con, gồm: Ông Nguyễn Hữu Ph2, đã chết năm 2002, có vợ là bà Trần Thị X, có 02 người con là bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22; bà Nguyễn Thị T L1; ông Nguyễn Văn T35, đã chết 2008, có vợ tên Đỗ Thị Quý chết năm 2007, có 04 người con: ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, ông Nguyễn Thành T25, bà Nguyễn Mỹ N3; bà Nguyễn Thị Kim H6; bà Nguyễn Thị Ngọc T27; bà Nguyễn Thị VK, đã chết 2021, không chồng con; ông Nguyễn Ánh Phương, đã chết 2001, có vợ là Nguyễn Thị H8 và 02 người con là ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Ánh P1; ông Nguyễn Ánh H9; bà Nguyễn Thị Mỹ D1; ông Nguyễn Hữu B3; ông Nguyễn Kim A4; ông Nguyễn Quốc Tuấn, đã chết 2016, vợ tên Vũ Thị Bích T8, có 02 người con là ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10.

- Bà Nguyễn Thị U.

- Và bà là Nguyễn Thị Đ.

Tài sản của cha mẹ bà là khoảng 5.000 m² đất, tọa lạc tại: Số 83, đường Nguyễn Thái Học, khu phố 3, Phường B, thành phố TN, trên đất có một ngôi nhà ngói vách ván, nay đã được sửa lại thành nhà ngói vách tường.

Bà Nguyễn Thị U đã chuyển nhượng một phần, diện tích bao nhiêu không rõ; đã chia cho con của bà Nguyễn Thị Muôn là ông Nguyễn Quốc T3, ông Nguyễn Quốc T4 320 m². Diện tích sử dụng thực tế là 3.111,7 m², thuộc thửa 68, tờ bản đồ 41, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS06207 ngày 07-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, bà là Nguyễn Thị Đ đại diện đứng tên, tọa lạc tại: Khu phố 3, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Đất là tài sản chung của bà và 06 anh chị em như đã nêu trên. Vào năm 2009 có khởi kiện ra Tòa án, đã thống nhất là tài sản thuộc sở hữu chung của 07 anh chị em, được công nhận bằng Quyết định số: 01/2009/QĐST-DS ngày 06-01-2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nay do anh chị em không còn thuận thảo nhau, bà già yếu, bệnh nhiều không tiền điều trị nên yêu cầu chia tài sản nêu trên thành 07 phần bằng nhau

cho 07 anh chị em, bà yêu cầu chia bằng hiện vật. Cụ thể là:

Chia phần 3.111,7 m² đất nêu trên cho 07 người con, mỗi người một phần bằng nhau, chia theo mặt tiền mỗi người 3,69 m (25,83 m: 7)

+ Phần đất ở phía trước căn nhà và căn nhà chia cho bà Muôn, bà U, ông Hôn (3,69 m x 3 = 11,07 m) và một phần ba kỷ phần của ông Ngàn cho bà Bích T (do bà T muốn được chia đất có căn nhà) là 3,69 m : 3 = 1,23 m. Như vậy tổng công phần đất ở phía trước căn nhà và căn nhà này có chiều ngang 11,07 m + 1,23 m = 12,3 m, có diện tích khoảng 500,4 m².

+ Phần đất diện tích khoảng 2.651 m² chia cho ông Triệu, bà Hai, bà Đ, và 2/3 kỷ phần của ông Ngàn.

Cụ thể: Ông Triệu, bà Hai, bà Đ mỗi người được hưởng 723 m², ông Ngàn do ông Nguyễn Trọng T18 và bà Nguyễn Thị Kim H6 (Trương Thị V1 nhận) được hưởng 482 m².

Riêng các vật dụng trong nhà của 02 cụ để lại không tranh chấp, không yêu cầu chia, giao cho những người đang thực hiện thờ cúng tại ngôi nhà của cha mẹ để lại được sở hữu để họ thờ cúng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị Hồng T1, ông Nguyễn Văn T2, trình bày như sau:

Thống nhất ý kiến của bà Đ về nguồn gốc đất, về quan hệ nhân thân của cụ Ty và cụ Mên nhưng T2 bà Trương Thị V1 chỉ là con trong giấy tờ, thực tế ông Nguyễn Văn Ngàn chỉ có 02 người con là bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Trọng T18, không biết người tên V1.

Theo “Đơn Xn phân chia di sản” đã nộp tại Ủy ban nhân dân Phường B và theo di nguyện của cụ Mên, nhà và đất này là tài sản dùng vào việc thờ cúng. Gia đình bà T đang thực hiện đúng Quyết định công nhận sự thỏa T5 của các đương sự số: 01/2009/QĐST-DS ngày 06-01-2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, không đồng ý chia đất như ý kiến của bà Đ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T5, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Nguyễn Quốc T4 (trong đó bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Nguyễn Quốc T4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng T5 và bà Nguyễn Thị Hồng T1), trình bày giống nhau như sau:

Thống nhất theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng T và người đại diện theo ủy quyền của bà T.

Bà T5 có đơn phản tố, yêu cầu thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Đ sang cho bà T5 vì bà T5 là người thờ cúng từ trước cho đến nay, bà Đ đứng tên đất nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người quản lý di sản.

- Bị đơn ông Nguyễn Quốc T8 trình bày:

Thông nhất theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng T; thống nhất theo ý kiến của bà Đ về những người thừa kế của cụ Ty, cụ Mên.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì đây là di sản dùng vào việc thờ cúng, không ai được phân chia.

Ông T8 chết trong quá trình tham gia tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T8, gồm: Vợ là bà Trần Thị T22 T9; con là bà Nguyễn Thị Hồng T10, ông Nguyễn Quốc T11, ông Nguyễn Quốc T12 giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của ông T8 và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng T5, bà Nguyễn Thị Hồng T1 tham gia tố tụng. Bà T5 và bà T1 giữ nguyên ý kiến của vợ và con ông T8.

Ông Nguyễn Quốc T8 khi còn sống có đơn phản tố, yêu cầu thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Đ sang cho bà T5 vì bà T5 là người thờ cúng từ trước cho đến nay, bà Đ đứng tên đất nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người quản lý di sản.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông TH, ông Từ Văn Đ1, bà Từ Thị MN, bà Từ Thị Thu T13, bà Từ Thị T22 H2, bà Từ Thị Ngọc H3, ông Từ Ngọc M1, bà Từ Thị Y, ông Từ Ngọc Q do bà Nguyễn Thị Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Họ là chồng và con của bà Đinh Thị Cửa, bà Cửa là con của bà Nguyễn Thị Hai, bà Hai là con gái của cụ Ty và cụ Mên. Họ thống nhất theo yêu cầu của bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Thị Ngọc N1 yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:

Bà là con của bà Đinh Thị Cửa, thống nhất theo yêu cầu của bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị Phương L1, bà Đinh Kim P1 do bà Nguyễn Thị Đ đại diện trình bày:

Họ là con của bà Nguyễn Thị Hai, họ thống nhất theo yêu cầu của bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Kim K1 yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:

Ông là con của bà Nguyễn Thị Hai, thống nhất theo yêu cầu của bà Đ nếu được chia tài sản ông ủy quyền cho con trai là Đinh Kim T14 nhận thay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5 đang định cư ở Hoa Kỳ vắng mặt, đã có văn bản trình bày ý kiến giống nhau như sau:

Họ là con của ông Nguyễn Văn Hôn, ông Hôn là con của cụ Ty và cụ Mên, ông Hôn có vợ là bà Lê Thị T22 đã chết, có 07 người con gồm họ và ông Nguyễn Văn H6, họ không liên lạc được với ông Hùng.

Họ không chấp nhận chia tài sản như bà Đ yêu cầu vì đây là di sản dùng vào việc thờ cúng, yêu cầu giữ nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H6:

Không có lời khai, các đương sự trong vụ án xác định ông Hùng đã chết nhưng không cung cấp được giấy chứng tử.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Nguyễn Trọng T18, bà Trương Thị V1 (tên gọi khác là Nguyễn Thị Kim H6) do ông Nguyễn Trọng Minh T17 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Thu và bà V1 là con của ông Nguyễn Văn Ngàn, ông Ngàn là con của cụ Ty và cụ Mên, là người đồng sở hữu tài sản đang tranh chấp. Ông Ngàn có vợ là bà Trương Thị Phát đã chết, có 03 người con là ông Thu, bà V1 và bà Nguyễn Thị Bích T.

Ông Thu và bà V1 thống nhất theo yêu cầu của bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Bích T và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Hồng T5 và bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày như sau:

Bà T là con của ông Nguyễn Văn Ngàn, mẹ bà T là Trương Thị Phát đã chết, bà T không thống nhất theo ý kiến của ông Thu và bà V1, yêu cầu giữ nguyên khối tài sản đang tranh chấp dùng vào di sản thờ cúng, giao cho bà T5 quản lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Hồng T20, bà Nguyễn Thị Hồng T21, bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Đặng Thị K2, ông Nguyễn Quốc T21, ông Nguyễn Quốc T22 (trong đó bà Thuyền, bà Thoa ủy quyền cho bà T5, bà T1 tham gia tố tụng; bà K2, ông T21, ông T22 ủy quyền cho bà T1 tham gia tố tụng), trình bày giống nhau như sau:

Thống nhất theo ý kiến của bà T5 không chấp nhận chia tài sản chung theo yêu cầu của bà Đ vì là di sản dùng vào việc thờ cúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Huỳnh Thị Tư, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22, ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3, bà Nguyễn Thị Kim H6, bà Nguyễn Thị Ngọc T27, bà Nguyễn Thị H8, ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Ánh P1, ông Nguyễn Ánh H9, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, ông Nguyễn Hữu B3, ông Nguyễn Kim A4. Tất cả ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T L1 tham gia tố tụng trình bày giống nhau như sau:

Bà Huỳnh Thị Tư là vợ ông Nguyễn Văn Triệu, ông Triệu là con của cụ Ty, cụ Mên, ông Triệu đã chết. Bà Tư và ông Triệu có 12 người con, gồm:

+ Ông Nguyễn Hữu Phước, đã chết, có vợ là bà Trần Thị X, có 02 người con bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22.

+ Bà Nguyễn Thị T L1.

+ Ông Nguyễn Văn Thọ đã chết, có vợ là bà Đỗ Thị Quý, đã chết, có 04 người con, gồm: Ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3, ông Nguyễn Thành T25.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H6.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T27.

+ Bà Nguyễn Thị VK, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, không có chồng con.

+ Ông Nguyễn Ánh Phương đã chết, có vợ là bà Nguyễn Thị H8, có 02 người con là ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Ánh P1.

+ Ông Nguyễn Ánh H9.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D1.

+ Ông Nguyễn Hữu B3.

+ Ông Nguyễn Kim A4.

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn, đã chết, có vợ là bà Vũ Thị Bích T8, có 02 người con là ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10.

Tất cả những người đã ủy quyền cho bà L1 và bà L1 đều thống nhất theo ý kiến của bà Đ, yêu cầu chia tài sản chung của 07 người con cụ Ty thành 07 phần bằng nhau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T25 yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:

Thống nhất theo ý kiến của bà L1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị VK ủy quyền cho bà L1 tham gia tố tụng:

Thống nhất theo ý kiến của bà L1, bà Kiều đã chết trong quá trình tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Vũ Thị Bích T8, ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10:

Là vợ và con của ông Nguyễn Quốc Tuấn, ông Tuấn là con của ông Nguyễn Văn Triệu, bà Huỳnh Thị Tư. Họ định cư ở Hoa Kỳ nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án đã ủy thác tư pháp, niêm yết các văn bản tố tụng tại Đại sứ quán Việt Nam ở Hoa Kỳ nhưng họ không có văn bản phản hồi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà là con của cụ Ty, cụ Mên. Vào năm 2009 các đồng thừa kế của cụ Ty và cụ Mên thống nhất tài sản các cụ để lại dùng vào việc thờ cúng, đúng theo di chúc của cụ Mên đã lập. Từ khi cụ Mên chết, bà là người quản lý, tôn tại tài sản và thờ cúng, bà Đ không làm gì, chỉ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay lại đòi chia, bà không chấp nhận.

Bà U đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Tại phiên tòa:

+ Các bên đương sự thống nhất về người đồng sở hữu tài sản và người thừa kế của họ.

+ Thống nhất các vật dùng trong nhà, gồm: Một cái tủ thờ, 04 cái tủ kính, 01 cái tủ Buffet, 01 cái bàn gỗ cỡ lớn, 01 cái bàn gỗ cỡ nhỏ, 06 cái ghế dài nhỏ, 01 cái bàn gỗ tạp cỡ lớn, 01 cái bàn gỗ tạp cỡ nhỏ, 02 bộ dán, 01 đôi liễn thờ, 01 bộ lư đồng cỡ lớn, 01 bộ lư đồng cỡ nhỏ, 01 cái đồng hồ treo tường, không tranh chấp, thống nhất giao cho ai được chia ngôi nhà ngói và thờ cúng.

+ Bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn (T2 bà Nguyễn Thị Bích T) giữ nguyên yêu cầu, có thay đổi về phần chia là do bà U đã chết nên không chia phần cho bà U, yêu cầu chia thành 06 phần bằng nhau, cho bà Đ và những người thừa kế khác, việc tu bổ nhà là do bà U lấy tiền đền bù đất của cha mẹ để tu sửa nên không ai có công sức gì đối với tài sản tranh chấp. Yêu cầu chia cho bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn hưởng chung bằng hiện vật, không yêu cầu chia từng phần.

+ Các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hơ, của bà Nguyễn Thị Muôn chấp nhận chia đất nhưng phải chia thành 08 phần, bên bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn 04 phần. Bên bà U và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hơ, của bà Nguyễn Thị Muôn 04 phần, trong đó có 01 phần dùng để T22 toán công sức đóng góp cho bà U và các bị đơn, họ không yêu cầu chia từng phần. Ngôi nhà ngói và nhà tường cấp 4, mái che, sân X măng không chia do không còn niên hạn sử dụng, yêu cầu giao cho các bị đơn sở hữu vì các bị đơn đang thực hiện nghĩa vụ thờ cúng. Nếu ngôi nhà có phần nào nằm trên đất chia cho bà Đ và những người thống nhất theo yêu cầu bà Đ thì bị đơn tự khắc phục, cắt sửa, thu dọn nhà để giao đất; các tài sản trên đất như hàng rào, tường rào là của bà U, bà T làm, nếu thuộc phần đất bên bà Đ được chia thì bà T, T5 và các bị đơn tự xử lý, thu dọn để giao đất. Yêu cầu chia phần bà U, phần công sức đóng góp vào tài sản và người thừa kế của bà Muôn, ông Hơ hưởng chung bằng hiện vật, không yêu cầu chia từng phần, yêu cầu hưởng phần có nhà ngói để tiếp tục thờ cúng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Tài sản tranh chấp không còn là di sản dùng vào việc thờ cúng mà đã là tài sản thuộc sở hữu chung của các con cụ Ty và cụ Mên, đề nghị Tòa án chia theo yêu cầu của bà Đ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng T5 trình bày:

Yêu cầu đình chỉ vụ án do nguyên đơn khởi kiện không đúng điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 04/2017 và Điểm c, khoản 1 Điều 215 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc bà Đ chuyển quyền sử dụng đất cho người đồng thừa kế là

bà Nguyễn Thị Hồng T5 có đủ sức khỏe và là người độc thân. Vì bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ quản lý sử dụng đất là làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất từ năm 2013 đến năm 2016. Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T5, thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà T5.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

-Về nội D1: Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, Chia tài sản thuộc sở hữu chung, khi chia giành 01 phần công sức gìn giữ khối tài sản chung cho bên bị đơn theo Án lệ số 05/2016, phần tài sản còn lại chia 07 phần bằng nhau cho 07 người con của cụ Ty, cụ Mên; riêng phần của bà U thì căn cứ theo Án lệ số 06/2016 giao cho bà T5 và những người đang quản lý tài sản tạm quản lý, nếu có tranh chấp phần di sản thừa kế của bà U sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật, đề nghị giải quyết về án phí, và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Bà Từ Thị Ngọc N1, ông Đinh Kim K1, ông Nguyễn Thành T25 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

+ Bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5. Đang định cư ở Hoa Kỳ, Tòa án đã ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng, họ đã cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến và ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T8 (cũng là bị đơn trong vụ án) tham gia tố tụng, ông T8 đã chết, do họ đã có văn bản trình bày ý kiến về nội D1 vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

+ Bà Vũ Thị Bích T8, ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10, định cư tại Hoa Kỳ, Tòa án đã ủy thác tư pháp niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ nhưng không có phản hồi, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Án lệ số: 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-

CA ngày 06 tháng 4 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xét xử vắng mặt họ.

+ Ông Nguyễn Văn H6 định cư ở nước ngoài, đã chết không có người thừa kế, các bên đương sự không cung cấp được giấy chứng tử của ông Hùng chỉ cung cấp được thông tin trên báo chí nước ngoài chứng minh ông Hùng đã chết. Xét thấy, tuy chưa thu thập được giấy chứng tử của ông Hùng nhưng các bên đương sự đều thống nhất, ông Hùng chỉ là một trong những người thừa kế của người đồng sở hữu tài sản đang tranh chấp, Tòa án không chia từng phần cho những người thừa kế nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[2] Về việc xác định người đồng sở hữu tài sản đang tranh chấp:

Người để lại tài sản là vợ chồng cụ Nguyễn Văn Ty, cụ Từ Thị Mên.

Các đương sự đã thống nhất về người đồng sở hữu tài sản của cụ Ty và cụ Mên để lại là 07 người con của cụ Ty và cụ Mên, gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Hai, ông Nguyễn Văn Ngàn, ông Nguyễn Văn Triệu, ông Nguyễn Văn Hôn, bà Nguyễn Thị Muôn, bà Nguyễn Thị U. Do bà Hai, ông Ngàn, ông Triệu, ông Hôn, bà Muôn đã chết nên phát sinh quyền, nghĩa vụ thừa kế của họ, cụ thể gồm:

- Bà Nguyễn Thị Đ, là nguyên đơn trong vụ án.
- Bà Nguyễn Thị U, đã chết khi Tòa án chuẩn bị xét xử vụ án.
- Bà Nguyễn Thị Hai đã chết, có chồng là ông Đinh Kim Chiêu đã chết, có 05 người con, gồm:

- + Bà Đinh Thị Cửa đã chết, người thừa kế gồm: Chồng là ông TH, 09 người con, gồm: Ông Từ Văn Đ1, bà Từ Thị MN, bà Từ Thị Thu T13, bà Từ Thị T22 H2, bà Từ Thị Ngọc H3, ông Từ Ngọc M1, bà Từ Thị Y, ông Từ Ngọc Q, bà Từ Thị Ngọc N1.

- + Bà Đinh Thị B.

- + Bà Đinh Thị Phương L1.

- + Bà Đinh Kim P1.

- + Ông Đinh Kim K1, định cư ở Hoa Kỳ, ủy quyền cho con trai là Đinh Kim T14 nhận tài sản nếu được chia.

- Ông Nguyễn Văn Hôn đã chết, có vợ là bà Lê Thị T22 đã chết, có 07 người con, gồm:

- + Bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5.

- + Ngoài ra con của ông Nguyễn Văn Hôn còn có ông Nguyễn Văn H6, đã chết, không có vợ con.

- Ông Nguyễn Văn Ngàn đã chết, có vợ là bà Trương Thị Phát đã chết, có 03 người con, gồm:

+ Ông Nguyễn Trọng T18, bà Trương Thị V1 (tên gọi khác là Nguyễn Thị Kim H6), bà Nguyễn Thị Bích T.

- Bà Nguyễn Thị Muôn, đã chết; có chồng là ông Nguyễn Văn Tám, đã chết, có 09 người con, trong đó:

+ Có 05 người, gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T5, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Nguyễn Quốc T4, ông Nguyễn Quốc T8 là bị đơn trong vụ án.

Ông Nguyễn Quốc T8 đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T8, gồm: Vợ là bà Trần Thị T22 T9; các con gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng T10, ông Nguyễn Quốc T11, ông Nguyễn Quốc T12.

+ Nguyễn Thị Hồng T20.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T21.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T1.

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn, đã chết, có vợ là bà Đặng Thị K2, có 02 người con là Nguyễn Quốc T21, Nguyễn Quốc T22.

- Ông Nguyễn Văn Triệu đã chết, có vợ là bà Huỳnh Thị Tư, có 12 người con, gồm:

+ Ông Nguyễn Hữu Phước đã chết, có vợ là bà Trần Thị X, có 02 con là bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22.

+ Bà Nguyễn Thị T L1.

+ Ông Nguyễn Văn Thọ đã chết, có vợ là bà Đỗ Thị Quý, đã chết, có 04 người con, gồm: Ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3, ông Nguyễn Thành T25.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H6.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T27.

+ Bà Nguyễn Thị VK, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, không có chồng con.

+ Ông Nguyễn Ánh Phương đã chết, có vợ là bà Nguyễn Thị H8, có 02 người con là ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Ánh P1.

+ Ông Nguyễn Ánh H9.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D1.

+ Ông Nguyễn Hữu B3.

+ Ông Nguyễn Kim A4.

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn, đã chết, có vợ là bà Vũ Thị Bích T8, có 02 người con là ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10.

[3] Về việc xác định tài sản đang tranh chấp:

- Các đương sự đã thống nhất phân tài sản là đất, như sau:

Diện tích thực tế sử dụng 3.111,7 m² (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới 62,7 m²), thuộc thửa 68, tờ bản đồ 41, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS06207 ngày 07-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, bà Nguyễn Thị Đ đại diện đứng tên, diện tích ghi trong giấy chứng nhận là 3.151,4 m² (trong đó gồm: 1.000 m² đất ở đô thị, 2.151,4 m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại: Khu phố 3, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Trị giá đất là 38.010.000.000 đồng.

- Tài sản trên đất là nhà ngói, nhà tường cấp 4, mái che, nền X măng, các bên đương sự không thống nhất, cụ thể như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá Chuẩn Việt định vào ngày 19-12-2018, gồm: Nhà ngói giá trị 364.085.156 đồng; nhà tường giá trị 79.897.500 đồng; mái che giá trị 22.309.688 đồng; sân X măng giá trị 6.841.969 đồng.

Hội Đồng định giá do Tòa án nhân dân thành phố TN lập theo ủy thác của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh định vào ngày 23-8-2022: Nhà ngói xưa và nhà tường ở phía sau dính liền nhà ngói được xây dựng từ năm 1940, vách ván sửa lại thành vách tường vào năm 1986, theo Quyết định số: 58/2019/QĐUB ngày 26-12-2019, của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định niên hạn sử dụng của nhà ngói là 18 năm nên Hội đồng định giá không có căn cứ định giá; mái che bên hong nhà là do tháo dỡ từ nhà cũ lấy vật liệu làm thành mái che và đã làm trên 20 năm, đã rỉ sét, không còn thời hạn sử dụng nên Hội đồng định giá không định giá; nền X măng được làm từ quá lâu, một số chỗ chấp vá, gồ ghề, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng không định giá.

Bà Đ là người đồng sở hữu tài sản cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai, có mặt khi định giá nhưng không phản đối, không yêu cầu định giá lại nhưng yêu cầu T24h theo giá đã định vào năm 2018.

Bên bị đơn và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn, ông Nguyễn Văn Hôn thống nhất theo kết quả định giá vào ngày 23-8-2022.

Xét thấy kết quả định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá Chuẩn Việt không phù hợp với quy định về niên hạn sử dụng tài sản, không đúng hiện trạng và giá trị thực tế nên không có căn cứ xác định giá trị tài sản như kết quả định giá vào năm 2018.

Ngoài ra còn có tài sản khác là hàng rào, tường rào, cổng rào do bà U và con bà Muôn làm, các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu định giá, Hội đồng xét xử quyết định khi chia tài sản.

Vật dụng trong nhà các đương sự thống nhất giao cho người nào tiếp tục ở trong ngôi nhà ngói và thờ cúng cụ Ty, cụ Mên thì người đó được sở hữu, không tranh chấp, không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và yêu cầu của những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai, ông Nguyễn Văn Triệu, ông Nguyễn Văn Ngàn, T2 bà Nguyễn Thị Bích hỷ, thấy rằng:

Về nguồn gốc tài sản, quá trình sử dụng, quá trình tranh chấp và giải quyết tranh chấp như sau:

Nguồn gốc tài sản là của cụ Ty, cụ Mên tạo lập từ trước năm 1950.

Cụ Ty chết vào năm 1950, cụ Mên cùng các con quản lý tài sản.

Ngày 29-08-1977, cụ Mên lập di chúc, nội D1: *“Để gia tài này lại cho con trai U Nguyễn Văn Triệu được quyền thụ hưởng của phụ âm này, khi tôi đã chết không ai được quyền ngăn cản hay tranh giành. Gia tài này do tên Triệu làm chủ, không được quyền sang hoặc bán cho ai mà không có sự ưng T5 của anh chị em nó vì nơi đây là nhà thờ của ông bà nó để lại làm di bảo”*. Di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã Tây Ninh.

Năm 2004, con của bà Nguyễn Thị Muôn kiện ông Nguyễn Văn Triệu, yêu cầu hủy di chúc, vụ án giải quyết đến năm 2009 thì hòa giải thành theo Quyết định Công nhận sự thỏa T5 của các đương sự số: 01/2009/QĐST-DS ngày 06-01-2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, nội D1: *Thống nhất giao T22 bộ tài sản trên là tài sản chung cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, gìn giữ dùng vào việc thờ cúng, đứng tên giấy tờ nhà đất; những người hiện sống trên đất (bà Nguyễn Thị U, các con của bà Nguyễn Thị Muôn) có trách nhiệm gìn giữ, quản lý các tài sản trên cùng với bà Đ.*

Ngày 30-3-2018, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung như đã nêu trên thành 07 phần bằng nhau cho 07 người con của cụ Ty, cụ Mên, yêu cầu chia bằng hiện vật. Riêng các vật dụng trong nhà của 02 cụ để lại không tranh chấp, không yêu cầu chia, giao cho người nào đang thực hiện thờ cúng tại ngôi nhà ngói sở hữu.

Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai, của ông Nguyễn Văn Triệu, của ông Nguyễn Văn Ngàn yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung, và chia như bà Đ yêu cầu. Trong những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngàn có bà Nguyễn Thị Bích T không chấp nhận chia, yêu cầu để làm di sản dùng vào việc thờ cúng.

Bà Nguyễn Thị U, trong quá trình tham gia tố tụng và trước khi chết đã có bản tự khai và có ý kiến trong các phiên hòa giải là không chấp nhận chia, yêu cầu để làm di sản thờ cúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hôn, của bà Nguyễn Thị Muôn, không chấp nhận chia, yêu cầu để làm di sản thờ cúng, trong đó có bà Nguyễn Thị Hồng T5 và ông Nguyễn Quốc T8 là

người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn phản tố, yêu cầu thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho các bị đơn đứng tên dùng làm di sản thờ cúng, không chấp nhận để cho bà Đ tiếp tục đứng tên vì bà Đ không làm tròn nghĩa vụ bảo quản tài sản chung.

Tại phiên tòa:

Bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn không chấp nhận chia phần cho bà U vì bà U đã chết, chỉ chia 06 phần, không T22 toán công sức đóng góp vì việc tu bổ nhà là do bà U lấy tiền đền bù đất của cha mẹ để tu sửa nên không ai có công sức gì đối với tài sản tranh chấp.

Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hôn, của bà Nguyễn Thị Muôn chấp nhận chia đất nhưng phải chia cho bà U và để một phần công sức đóng góp cho bà U và các con bà Muôn.

Xét yêu cầu của các bên đương sự, thấy rằng:

Di chúc của cụ Mên không rõ ràng là các con có được chia tài sản hay chỉ dùng để thờ cúng vì vừa có nội D1 dùng thờ cúng vừa có nội D1 không được bán khi chưa có sự đồng ý của các anh chị em. Thực tế thì ngôi nhà dùng thờ cúng chỉ chiếm khoảng 1/3 diện tích đất.

Theo Quyết định công nhận sự thỏa T5 của các đương sự số: 01/2009/QĐST-DS ngày 06-01-2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì các đồng thừa kế của cụ Ty và cụ Mên đã thống nhất là tài sản thuộc sở hữu chung. Do mâu thuẫn trong quá trình sử dụng, mục đích sở hữu chung không đạt được, bà Đ khởi kiện yêu cầu chia là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật Dân sự, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Đ đề nghị chia là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị đơn và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn đã chấp nhận chia.

Không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T5.

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T5 và ông T8.

Bà Nguyễn Thị Bích T, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hôn, bà Nguyễn Thị Muôn không chấp nhận chia là không có căn cứ.

[5] Xét về mỗi phần chia thì bà Đ yêu cầu chia thành 06 phần là không hợp lý, bởi vì:

Tài sản chung đang tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Ty và cụ Mên để lại, trong đó có ngôi nhà ngói và ngôi nhà tường cấp 4 dính liền từ trước đến nay dùng vào việc thờ cúng, thực tế thì bà U và con của bà Muôn là bà T5, bà T, bà T3, ông T4 đang quản lý, giữ gìn và thờ cúng từ trước đến nay. Năm 2009 các đồng thừa kế thỏa T5 là tài sản thuộc sở hữu chung của các anh chị em, bà Đ chỉ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc thờ cúng giữ gìn tài sản, nộp

thuế đất vẫn là bà U và các con bà Muôn thực hiện, xét thấy trước khi chia cần phải T22 toán công sức đóng góp cho bà U và các con của bà Muôn một phần là phù hợp theo quy định tại Điều 618 của Bộ luật Dân sự. Do họ không yêu cầu chia từng phần nên Hội đồng xét xử không chia, chỉ công nhận là tài sản chung của bà U và người thừa kế của bà Muôn, ông Hôn.

[6] Xét yêu cầu của bà Đ về việc không chia phần cho bà U do bà U đã chết trong quá trình tham gia tố tụng là không có căn cứ, bởi vì: Bà U là người đồng sở hữu tài sản, sau khi bà U chết thì tài sản này trở thành di sản và có thể chia thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định pháp luật, không có căn cứ chấm dứt quyền sở hữu chung của bà U. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T5 có cung cấp di chúc của bà U định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản bà Đ đang tranh chấp nhưng Tòa án không xem xét vì bà U không yêu cầu xác định tài sản của bà U trong khối tài sản chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật. Do bà T5 từ trước đến nay sống chung với bà U, hiện là người thờ cúng bà U nên tạm giao phần tài sản của bà U trong khối tài sản chung này cho bà T5 quản lý.

Do tài sản là đất, chia theo hiện trạng được nên Hội đồng xét xử chia theo hiện trạng sử dụng. Xét thấy bị đơn và người đồng sở hữu đứng về phía bị đơn không yêu cầu chia từng phần, có nguyện vọng giữ lại nguyên trạng ngôi nhà ngói của cụ Ty, cụ Mên để lại để tiếp tục thờ cúng các cụ và bà U, yêu cầu này là hợp tình, hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy chia cho bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn phần không có nhà.

Do đất có hình dạng chữ “T”, chiều ngang bên trong lớn hơn chiều ngang bên ngoài nên chia đều thành 08 phần sẽ không có lối đi ra cho từng phần nên bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn yêu cầu chia chung là hợp lý.

Bên bị đơn là người thừa kế của bà Muôn, người thừa kế của ông Hôn, phần bà U là 03 phần, cộng thêm một phần T22 toán công sức đóng góp của bà U và các con bà Muôn nên thành 04 phần.

Như vậy, đất sẽ được chia thành 02 phần bằng nhau, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị U và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn, ông Nguyễn Văn Hôn được sở hữu chung $\frac{1}{2}$ diện tích phần có nhà và được sở hữu T22 bộ tài sản trên đất.

+ Bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn được sở hữu chung $\frac{1}{2}$ diện tích phần không có nhà.

Trên đất chia cho bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn có một mái che và một phần góc nhà tường cấp 4, sân X măng, một phần hồ nước, do nhà không còn niên hạn sử dụng, không T24h được giá trị nên bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T3, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T4 tự khắc phục, cất sửa nhà, thu dọn để giao đất cho bên bà Đ. Trên đất còn có 02 cây gỗ bên bà T5 trông và chấp nhận chặt lấy gỗ để giao đất

nên bên bà T5 có nghĩa vụ chặt và thu dọn ra khỏi khu đất chia cho bên bà Đ.

Ngoài ra, trên đất chia cho bên bà Đ còn có một đoạn tường rào, một đoạn hàng rào, cổng rào khi giải quyết vụ án các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu định giá, không rõ ràng là của bên nào, tại phiên tòa bên bà Đ cho rằng làm từ tiền bồi thường đất của cha mẹ; bên bà U và bà T5 thì cho rằng tự bỏ tiền ra làm. Xét thấy nếu tháo dỡ, di dời sẽ mất giá trị sử dụng nên để cho bên bà Đ sở hữu là hợp lý.

[7] Đối với các vật dụng trong nhà như đã định giá, bên bà Đ không tranh chấp, không yêu cầu chia, hiện bà T, bà T3, bà T5, ông T4 đang thờ cúng nên giao cho họ sở hữu.

[8] Về chi phí tố tụng khác, gồm:

Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, gồm: Lệ phí 1.400.000 đồng, bà Đ đã nộp tạm ứng; chi phí thực tế đã chi để thực hiện ủy thác tư pháp 29.754.175 đồng, chi phí ủy thác bản án ra nước ngoài 32.500.000 đồng. Tổng cộng 62.254.175 đồng.

Chi phí đo đạc, định giá, tổng cộng là 59.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản chi phí tố tụng là 121.254.175 đồng, T24h số tròn là 121.254.000 đồng, trong đó bà Đ đã nộp 112.654.000 đồng, ông Nguyễn Trọng T18 (người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngân) đã nộp 6.800.000 đồng.

Các đương sự phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản của mình được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 153, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đó bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngân phải chịu 60.627.000 đồng, ghi nhận bà Đ và ông Thu đã nộp.

Những người thừa kế của bà Muôn và ông Hôn, người quản lý tài sản của bà U phải chịu 60.627.000 đồng, nộp trả cho bà Đ.

[9] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ trên 60 tuổi, có đơn Xn miễn án phí, thuộc trường hợp miễn theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị U trên 60 tuổi, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, được miễn.

Bà Trương Thị V1, bà Huỳnh Thị Tư, bà Nguyễn Thị T L1, bà Nguyễn Thị Ngọc T27 là người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngân, ông Nguyễn Văn Triệu đã trên 60 tuổi, có đơn Xn miễn án phí nhưng do không xác định được nghĩa vụ chịu án phí riêng của họ trong nghĩa vụ chung của các đồng thừa kế khác của ông Ngân, ông Triệu, bà Hai nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để miễn.

Các đương sự khác trong vụ án phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản bên mình được chia theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, cụ thể là:

Tài sản chia 02 phần, mỗi phần trị giá 19.005.000.000 đồng, án phí là $112.000.000 + 0,1\%$ phần vượt quá 4.000.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + 15.005.000 đồng = 127.005.000 đồng.

Bên bà Đ thì do bà Đ được miễn nên những người còn lại phải chịu 95.254.000 đồng theo 03 phần trong đó người thừa kế của bà Hai chịu 01 phần, của ông Triệu chịu 01 phần, của ông Ngàn chịu 01 phần với số tiền mỗi phần là 31.751.300 đồng.

Tương tự bên bà U, bà U được miễn nên những người thừa kế của bà Muôn và của ông Hôn phải chịu chung 95.254.000 đồng.

Riêng ông Nguyễn Quốc T8, bà Nguyễn Thị Hồng T5 phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, c khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 153, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219, Điều 618 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số: 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, T8 xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T8.
3. Chia tài sản thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Hai, ông Nguyễn Văn Ngàn, ông Nguyễn Văn Triệu, ông Nguyễn Văn Hôn, bà Nguyễn Thị Muôn, bà Nguyễn Thị U, là quyền sử dụng đất có diện tích thực tế sử dụng 3.111,7 m² (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới 62,7 m²), thuộc thửa 68, tờ bản đồ 41, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS06207 ngày 07-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, bà Nguyễn Thị Đ đại diện đứng tên, bản chính bà Đ đang giữ, diện tích ghi trong giấy chứng nhận là 3.151,4 m² (trong đó gồm: 1.000 m² đất ở đô thị, 2.151,4 m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại: Khu phố 3, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ; những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai, gồm: Ông TH, ông Từ Văn Đ1, bà Từ Thị MN, bà Từ Thị Thu T13, bà Từ Thị T22 H2, bà Từ Thị Ngọc H3, ông Từ Ngọc M1, bà Từ Thị Y, ông Từ Văn Q, bà Từ Thị Ngọc N1, bà Đình Thị B, bà Đình Thị Phương L1, bà Đình Kim P1, ông Đình Kim K1 (ủy quyền cho con trai là Đình Kim T14 nhận thay); những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngàn, gồm: Ông Nguyễn Trọng T18, bà Trương Thị V1 (tên gọi khác là Nguyễn Kim H6), bà Nguyễn Thị Bích T; những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Triệu, gồm: Bà Huỳnh Thị Tư, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Ngọc N1, ông Nguyễn Duy T22, bà Nguyễn Thị T L1, ông Nguyễn Thành T23, ông Nguyễn Thành T24, bà Nguyễn Mỹ N3, ông Nguyễn Thành T25, bà Nguyễn Thị Kim H6, bà Nguyễn Thị Ngọc T27, bà Nguyễn Thị H8, ông Nguyễn Anh P5, bà Nguyễn Thị Anh P1, ông Nguyễn Ánh H9, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, ông Nguyễn Hữu B3, ông Nguyễn Kim A4, bà Vũ Thị Bích T8, ông Nguyễn Quốc T29, bà Nguyễn Thị Bích T10: Được sở hữu chung phần đất diện tích 1.555,85 m², gồm: 500 m² đất ở đô thị, diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm (trong đó có, 33,2 m² nằm trong quy hoạch lộ giới), có tứ cận: Đ giáp thửa 63, đất của ông Trần Văn Sang 24,5 m; hướng Tây gồm 03 đoạn: đoạn mặt tiền giáp đường Nguyễn Thái Học 12,72 m, đoạn giáp đất bà Phan Thị Giàu 6,95 m + 2,97 m, đoạn giáp đất chia cho bên bà T5 4,66 m; Nam giáp đất chia cho bên bà T5, gồm các đoạn 2,51 m + 71,57 m + 24,86 m; Bắc giáp thửa 67, đất bà Phan Thị Giàu, gồm các đoạn 2,79 m + 71,56 m, giáp thửa 57, đất của bà Võ Thị Kim A4h 25, 44 m. Trị giá 19.005.000.000 đồng. Đất hiện bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T3, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T4 đang quản lý có nghĩa vụ giao cho bà Đ và người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai, ông Nguyễn Văn Triệu, ông Nguyễn Văn Ngàn.

- Bà Nguyễn Thị U; những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn, gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T5, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Nguyễn Quốc T4, ông Nguyễn Quốc T8 (do bà Trần Thị T22 T9, bà Nguyễn Thị Hồng T10, ông Nguyễn Quốc T11, ông Nguyễn Quốc T12 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), bà Nguyễn Thị Hồng T20, bà Nguyễn Thị Hồng T21, bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Đặng Thị K2, ông Nguyễn Quốc T21, ông Nguyễn Quốc T22; những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hôn, gồm: Bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Ngọc T15, bà Nguyễn Hoàng P1, bà Nguyễn Ngọc T9, ông Nguyễn Ngọc H5, ông Nguyễn Văn H6: Được sở hữu chung phần đất diện tích 1.555,85 m², gồm: 500 m² đất ở đô thị, diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm (trong đó có 29,5 m² nằm trong quy hoạch lộ giới), có tứ cận: Đ giáp thửa 70, đất của bà Lưu Thị Hiền 26,37 m; hướng Tây gồm 02 đoạn: đoạn mặt tiền giáp đường Nguyễn Thái Học 12,75 m, đoạn giáp đất ông Nguyễn Quốc Tuấn, bà Đặng Thị K2 04 m + 7,32 m + 7,58 m; Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc Tuấn, bà Đặng Thị Khá, gồm các đoạn 2,21 m + 15,39 m + 10,59 m + 0,35 m + 8,49 m + 37,12 m, giáp đất ông Vũ Ngọc Phương 24,98 m; Bắc giáp đất chia cho bên bà Đ, gồm các đoạn 2,51 m + 71,57 m + 24, 86 m, trị giá 19.005.000.000 đồng. Được sở hữu T22 bộ tài sản trên đất. Phần của bà Nguyễn Thị U trong khối tài

sản chung này tạm giao cho bà Nguyễn Thị Hồng T5 quản lý.

Bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T3, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T4 có nghĩa vụ xử lý thu dọn một phần căn nhà cấp 4 có diện tích 32,7 m², T22 bộ mái che và một phần hồ nước nằm trên đất, chặt và thu dọn 02 cây gỗ trồng trên đất để giao đất cho bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn.

Bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn được sở hữu các tài sản khác trên đất được chia.

Bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng T3, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T4 được sở hữu các vật dụng trong nhà, gồm: Một cái tủ thờ, 04 cái tủ kính, 01 cái tủ Buffer, 01 cái bàn gỗ cỡ lớn, 01 cái bàn gỗ cỡ nhỏ, 06 cái ghế dài nhỏ, 01 cái bàn gỗ tạp cỡ lớn, 01 cái bàn gỗ tạp cỡ nhỏ, 02 bộ dán, 01 đôi liễn thờ, 01 bộ lư đồng cỡ lớn, 01 bộ lư đồng cỡ nhỏ, 01 cái đồng hồ treo tường. Ghi nhận bên bà Đ và những người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn không tranh chấp.

4. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng sở hữu được chia theo như bản án.

5. Về Chi phí tố tụng khác:

Bà Đ và người thừa kế của bà Hai, ông Triệu, ông Ngàn phải chịu 60.627.000 (S1 mươi triệu S1 trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, được T2 vào 1.400.000 đồng bà Đ đã nộp theo các Biên lai: Số 0019810, Số 0019811, ghi cùng ngày 08-6-2018; Số 0091831, Số 0091832, Số 0091834, Số 0091838, Số 0019833, ghi ngày 16-8-2018, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (mỗi biên lai là 200.000 đồng), số tiền còn lại là 59.227.000 đồng ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Trọng T18 đã nộp.

Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn và ông Nguyễn Văn Hôn, người quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị U là bà Nguyễn Thị Hồng T5 phải chịu 60.627.000 (S1 mươi triệu S1 trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, nộp trả cho bà Nguyễn Thị Đ.

6. Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bà Đ tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đ được miễn. Hoàn trả cho bà Đ 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000946 ngày 27-3-2018, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Hai phải chịu 31.751.300 (ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn ba trăm) đồng.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Triệu phải chịu 31.751.300 (ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn ba trăm) đồng.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngân phải chịu 31.751.300 (ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn ba trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị U được miễn.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Hôn, những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Muôn phải chịu 95.254.000 (chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Nguyễn Quốc T8 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận, được T2 vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000756 ngày 10-12-2018, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

8. Các đương sự được quyền K2 cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn như sau:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền được K2 cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T8 án.

- Đương sự ở Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa và không có người đại diện theo ủy quyền được K2 cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Đương sự đang định cư ở nước ngoài không có người đại diện theo ủy quyền được K2 cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày T8 án theo quy định tại khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T5 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND. tỉnh TN;
- Cục THADS. tỉnh TN;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Thị Đồng

